

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỀU KIỆN
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA 06/2018, NGÀY THI 05-06/5/2018

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐ-TTCNTT-TT ngày 08 tháng 5 năm 2018
của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông)*

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHỔI
						LT	TH		
1	cb18k6_001	Cao Thị Lan	Anh	08/08/1982	Quảng Bình	9,2	10	Đạt	646747
2	cb18k6_002	Hoàng Đăng	Anh	14/08/1987	Hà Tĩnh	10	10	Đạt	646748
3	cb18k6_003	Phạm Quốc	Anh	15/06/1969	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	646749
4	cb18k6_004	Nguyễn Hữu	Bình	05/06/1982	Quảng Ngãi	8,8	9,5	Đạt	646750
5	cb18k6_005	Võ Công	Bình	20/12/1971	Quảng Bình	9,6	10	Đạt	646751
6	cb18k6_006	Hoàng Đăng	Cương	02/08/1976	Quảng Bình	8,8	10	Đạt	646752
7	cb18k6_007	Tạ Bá	Danh	20/06/1989	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	646753
8	cb18k6_008	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	30/10/1980	Thừa thiên Huế	8,8	9,5	Đạt	646754
9	cb18k6_009	Nguyễn Thị	Dịu	19/09/1987	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	646755
10	cb18k6_010	Hoàng Ngọc	Dũng	08/09/1976	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	646756
11	cb18k6_011	Hoàng Tiến	Dũng	20/07/1972	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	646757
12	cb18k6_012	Nguyễn Xuân	Dũng	20/02/1963	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	646758
13	cb18k6_013	Phạm Thị Anh	Đào	22/06/1974	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	646759
14	cb18k6_014	Lê Văn	Đầu	16/02/1972	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	646760
15	cb18k6_015	Lê Duy	Đồng	30/12/1977	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	646761
16	cb18k6_016	Lê Thị	Gắm	10/04/1974	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	646762
17	cb18k6_017	Đặng Đông	Hà	17/12/1973	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	646763
18	cb18k6_018	Đỗ Duy	Hà	06/01/1980	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	646764
19	cb18k6_020	Lê Thị Thu	Hà	28/12/1978	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	646765
20	cb18k6_021	Nguyễn Sơn	Hà	30/09/1977	Quảng Bình	9,6	8,5	Đạt	646766
21	cb18k6_022	Nguyễn Việt	Hà	19/11/1970	Quảng Bình	9,6	9,0	Đạt	646767
22	cb18k6_023	Trần Ngọc	Hà	13/01/1962	Quảng Bình	9,2	8,5	Đạt	646768

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI
						LT	TH		
23	cb18k6_024	Võ Tuyết	Hà	02/09/1969	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	646769
24	cb18k6_025	Nguyễn Duy	Hạnh	02/09/1981	Quảng Bình	10	9,5	Đạt	646770
25	cb18k6_027	Nguyễn Thị	Hiền	24/05/1994	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	646771
26	cb18k6_028	Cao Thị Thu	Hoài	12/09/1994	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	646772
27	cb18k6_029	Nguyễn Thị Lê	Hoài	06/12/1985	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	646773
28	cb18k6_030	Đoàn Xuân	Hoàng	22/12/1983	Quảng Bình	7,9	10	Đạt	646774
29	cb18k6_031	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/1978	Quảng Bình	7,5	10	Đạt	646775
30	cb18k6_032	Hồ Thị Minh	Huệ	18/07/1981	Thừa thiên Huế	8,3	10	Đạt	646776
31	cb18k6_033	Tạ Tiến	Hùng	18/01/1979	Quảng Bình	8,8	9,5	Đạt	646777
32	cb18k6_034	Nguyễn Thế	Huy	15/11/1982	Quảng Bình	8,8	9,5	Đạt	646778
33	cb18k6_035	Lê Thị Hoài	Hương	19/06/1974	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	646779
34	cb18k6_036	Nguyễn Việt	Hữu	26/11/1978	Quảng Bình	8,8	10	Đạt	646780
35	cb18k6_037	Lê Hữu	Kiên	03/02/1966	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	646781
36	cb18k6_038	Trần Ngọc	Khánh	18/01/1983	Quảng Bình	8,8	9,5	Đạt	646782
37	cb18k6_039	Nguyễn Phước	Khoa	05/11/1980	Quảng Bình	7,9	10	Đạt	646783
38	cb18k6_040	Hoàng Thị Hương	Lan	10/03/1993	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	646784
39	cb18k6_041	Phan Ngọc	Lâm	09/06/1975	Quảng Bình	9,6	10	Đạt	646785
40	cb18k6_042	Trần Thị Diệu	Lê	17/04/1991	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	646786
41	cb18k6_043	Nguyễn Thị Phương	Liên	29/11/1982	Thừa thiên Huế	7,9	10	Đạt	646787
42	cb18k6_044	Hoàng Mỹ	Linh	28/03/1987	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	646788
43	cb18k6_046	Nguyễn Lê Nhật	Linh	06/10/1994	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	646789
44	cb18k6_047	Trần Xuân	Linh	20/05/1987	Quảng Bình	9,2	10	Đạt	646790
45	cb18k6_048	Hoàng Thị Thanh	Loan	13/05/1983	Quảng Bình	8,8	9,5	Đạt	646791
46	cb18k6_049	Nguyễn Thị	Loan	28/03/1988	Quảng Bình	9,6	10	Đạt	646792
47	cb18k6_050	Trần Văn	Luân	10/02/1977	Quảng Bình	9,2	10	Đạt	646793
48	cb18k6_051	Nguyễn	Nam	23/10/1991	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	646794
49	cb18k6_052	Phan Thanh	Nam	04/11/1977	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	646795

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI
						LT	TH		
50	cb18k6_054	Đinh Thị Huyền	Nga	12/04/1989	Quảng Bình	8,8	8,0	Đạt	646796
51	cb18k6_055	Đỗ Thị Ánh	Ngọc	23/05/1985	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	646797
52	cb18k6_056	Hoàng Minh	Ngọc	20/02/1978	Thừa thiên Huế	8,8	10	Đạt	646798
53	cb18k6_057	Mai Hồng	Ngọc	26/03/1979	Quảng Bình	10	10	Đạt	646799
54	cb18k6_058	Nguyễn Thị Hồng	Nhan	26/06/1977	Quảng Bình	9,2	9,5	Đạt	646800
55	cb18k6_059	Nguyễn Văn	Nhi	15/08/1980	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	646801
56	cb18k6_060	Nguyễn Trần Tuyết	Nhung	12/03/1974	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	646802
57	cb18k6_061	Nguyễn Thị Kim	Oanh	17/08/1974	Quảng Bình	9,2	9,5	Đạt	646803
58	cb18k6_062	Đinh Thị Nhã	Phuong	06/01/1995	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	646804
59	cb18k6_063	Nguyễn Thị	Phượng	08/07/1991	Quảng Bình	8,8	8,0	Đạt	646805
60	cb18k6_064	Hoàng Minh	Quân	26/06/1992	Quảng Bình	7,9	9,5	Đạt	646806
61	cb18k6_065	Nguyễn Hữu	Quý	31/07/1973	Quảng Bình	9,6	9,0	Đạt	646807
62	cb18k6_066	Nguyễn Ngọc	Quý	27/11/1966	Quảng Bình	9,2	8,0	Đạt	646808
63	cb18k6_067	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	25/06/1979	Quảng Bình	7,9	8,5	Đạt	646809
64	cb18k6_068	Trương Quang	Sáng	06/03/1975	Quảng Bình	9,6	10	Đạt	646810
65	cb18k6_069	Trần Thị	Sáu	01/01/1990	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	646811
66	cb18k6_071	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	26/03/1987	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	646812
67	cb18k6_072	Phạm Trọng	Tiến	02/06/1981	Quảng Bình	8,8	8,0	Đạt	646813
68	cb18k6_073	Mai Xuân	Toàn	01/05/1971	Quảng Bình	9,2	10	Đạt	646814
69	cb18k6_074	Nguyễn Khánh	Toàn	30/03/1990	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	646815
70	cb18k6_075	Bùi Văn	Tú	15/10/1986	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	646816
71	cb18k6_077	Phan Xuân	Tuấn	06/11/1968	Quảng Bình	7,9	9,5	Đạt	646817
72	cb18k6_078	Đào Chí	Thanh	23/01/1976	Quảng Bình	7,9	10	Đạt	646818
73	cb18k6_079	Hồ Minh	Thành	01/01/1984	Thừa thiên Huế	7,9	9,0	Đạt	646819
74	cb18k6_080	Nguyễn Thị Phương	Thảo	28/02/1984	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	646820
75	cb18k6_081	Dư Thị Phúc	Thiện	10/10/1979	Quảng Bình	9,2	9,5	Đạt	646821
76	cb18k6_082	Hoàng Thị Lệ	Thiệt	10/10/1991	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	646822

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI
						LT	TH		
77	cb18k6_083	Hoàng Thị Kim	Thoa	21/11/1986	Quảng Bình	8,8	10	Đạt	646823
78	cb18k6_084	Nguyễn Thị Kim	Thúy	02/06/1969	Quảng Bình	8,3	10	Đạt	646824
79	cb18k6_085	Trang Thị Hồng	Thúy	12/09/1977	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	646825
80	cb18k6_086	Nguyễn Hạnh	Trâm	27/11/1992	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	646826
81	cb18k6_087	Phạm Thanh	Trung	28/05/1969	Quảng Bình	9,2	10	Đạt	646827
82	cb18k6_088	Vũ Thuần	Trung	14/12/1978	Quảng Bình	7,9	10	Đạt	646828
83	cb18k6_089	Đặng Anh	Văn	18/08/1983	Quảng Bình	9,6	9,0	Đạt	646829
84	cb18k6_090	Mai Thị Hải	Vân	16/11/1984	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	646830
85	cb18k6_091	Võ Thị Hồng	Vân	12/01/1988	Quảng Bình	8,8	10	Đạt	646831
86	cb18k6_092	Hoàng	Việt	31/12/1976	Quảng Bình	9,2	10	Đạt	646832
87	cb18k6_093	Trần Chí	Việt	09/06/1982	Quảng Bình	9,6	10	Đạt	646833
88	cb18k6_094	Thái Đông	Vũ	24/11/1962	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	646834
89	cb18k6_095	Trần Thế	Vương	20/04/1968	Quảng Bình	9,6	10	Đạt	646835
90	cb18k6_096	Lê Thị Thanh	Xuân	03/09/1980	Quảng Bình	9,2	9,5	Đạt	646836
91	cb18k6_097	Nguyễn Hồng	Xuân	03/01/1970	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	646837
92	cb18k6_098	Hoàng Thị Như	Ý	18/04/1982	Quảng Bình	9,6	10	Đạt	646838

(Ấn định danh sách này gồm 92 thí sinh)